TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 02-12-2024
V/V "Ly hôn giữa ông H1 và bà H2, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Trung Rở.
Ông Trần Văn Nĩnh.
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 02 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 287/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2024/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Nguyễn Quốc H1.
Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện N, tỉnh H.
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy H2.
Địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện T, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2024 ông Huỳnh Nguyễn Quốc H1 là nguyên đơn trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Thúy H2 chung sống với nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh H. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thẫu vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông và bà H2 không chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống có hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà H2.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Hoa T; Huỳnh Vĩnh H3. Hiện 02 con chung đang sống với ông, ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, bà H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Thúy H2 là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của ông H1 về điều kiện kết hôn là đúng và mâu thuẫn vợ chồng là không đúng, nay ông H1 yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Về nuôi con chung: Bà thống nhất lời trình bày của ông H1.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Ông H1 yêu cầu ly hôn với bà H2 được quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành. Ông H1, bà H2 có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy hôn nhân giữa ông H1 và bà H2 có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 09 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2024 ông Huỳnh Nguyễn Quốc H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà H2. Xét thấy tình nghĩa vợ chồng giữa ông H1 và bà H2 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, ông H1 yêu cầu ly hôn, bà H2 đồng ý, theo quy định tại các điều 19, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của ông H1 với bà H2.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Hoa T; Huỳnh Vĩnh H3, hiện 02 con chung tên Hoa T và Vĩnh H3 đang sống với ông H1, ông H1 yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, bà H2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét cháu Hoa T và Vĩnh H3 đã trên 7 tuổi hiện đang sống cùng với ông H1 từ trước cho đến nay, cũng đã ổn định về mọi mặt, cháu Hoa T và Vĩnh H3 có nguyện vọng sống với ông H1 và khi ly hôn bà H2 cũng đồng ý để ông H1 tiếp tục nuôi 02 con chung tên Hoa T và Vĩnh H3 nên cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con của ông H1 là phù hợp nguyện vọng của cháu Hoa T và Vĩnh H3, nên cần ghi nhận sự tự nguyệt thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Ông H1, bà H2 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông H1, bà H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông H1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 09, 19, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Huỳnh Nguyễn Quốc H1 được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thúy H2.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Hoa T; Huỳnh Vĩnh H3.

Giao con chung tên Huỳnh Hoa T; Huỳnh Vĩnh H3 cho ông H1 tiếp tục nuôi dưỡng (hiện do ông H1 nuôi dưỡng), bà H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Không ai được lợi dụng việc thăm nom con hoặc việc trực tiếp nuôi con để cản trở việc nuôi con hoặc việc thăm nom con, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bên còn lại. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí: Ông H1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà ông H1 đã nộp theo biên lai thu số 0010518 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

(Đã ký)

Nguyễn Bảo Trí